SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

Số 24.02055 24.2023/1DV	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	20/12/2024 Trang 1/4

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN KCN LONG KHÁNH
   KCN Long Khánh, xã Bình Lộc, Tp.Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Đầu vào HTXLNT KCN Long Khánh
3. Tên mẫu : Nước thải
4. Ký hiệu mẫu : NT1
5. Ngày lấy mẫu : 06/12/2024
6. Ngày nhận mẫu : 06/12/2024
7. Thời gian thử nghiệm : 06/12/2024 - 20/12/2024
8. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Kết quả : Xem trang 2-4/4

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phượng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 24.02055
24.2023/KĐV

20/12/2024

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,9; Kf=0,9
1	Nhiệt độ(1)(2)	^{0}C	SMEWW 2550 B:2023	33,7	40
2	pH(1)(2)		TCVN 6492:2011	8,24	6 - 9
3	Độ màu(1)(2)	Pt - Co	SMEWW 2120 C:2023	38	50
4	BOD_5 (20°C)(1)(2)	mg/L	SMEWW 5210 B:2023	49	24
5	COD(1)(2)	mg/L	SMEWW 5220 C:2023	146	61
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(1)(2)	mg/L	TCVN 6625:2000	30	40
7	Amoni (tính theo N)(1)(2)	mg/L	TCVN 5988:1995	5,31	4,050
8	Tổng nitơ(1)(2)	mg/L	TCVN 6638:2000	10,3	16,2
9	Tổng dầu mỡ khoáng(1)(2)	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	<3	5,0
10	Tổng phốt pho(1)(2)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,28	3,24
11	Florua (F^-)(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-F^- B&D:2023	1,39	4,050
12	Clorua (Cl^-)(1)(2)	mg/L	TCVN 6194:1996	309	405,0
13	Clo dư (Cl_2)(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	<0,02	0,81
14	Xyanua (CN^-)(1)(2)	mg/L	TCVN 6181:1996	0,030	0,057
15	Sulfua (S^{2-})(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-} B&D:2023	<0,1	0,16
16	Tổng phenol(1)(2)	mg/L	TCVN 6216:1996	0,010	0,081
17	Asen (As)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3114 B:2023	<0,001	0,041
18	Thủy ngân (Hg)(1)(2)	mg/L	TCVN 7877:2008	<0,0005	0,0041
19	Chì (Pb)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	0,081
20	Cadimi (Cd)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,001	0,041
21	Crôm VI (Cr^{6+})(1)(2)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,01	0,041
22	Đồng (Cu)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	1,62
23	Kẽm (Zn)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,17	2,43
24	Niken (Ni)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,010	0,16
25	Mangan (Mn)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,05	0,41
26	Sắt (Fe)(1)(2)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,26	0,81
27	Crôm III (Cr^{3+})(1)(4)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023 & SMEWW 3120 B:2023	<0,01	0,16

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

Số 24.02055
24.2023/TDV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,9; Kf=0,9
28	Hóa chất BVTV phốt pho hữu cơ(*)	µg/L	USEPA Method 3510C& USEPA Method 8270E		243
	Fenthion	µg/L		KPH(LOD=1,0)	
	Diazinon	µg/L		KPH(LOD=1,0)	
	Parathion methyl	µg/L		KPH(LOD=1,0)	
	Chlorpyrifos	µg/L		KPH(LOD=1,0)	
	Chlorpyrifos-methyl	µg/L		KPH(LOD=1,0)	
	Parathion ethyl	µg/L		KPH(LOD=1,0)	
	Fenitrothion	µg/L		KPH(LOD=1,0)	
	Malathion	µg/L		KPH(LOD=1,0)	
29	Hóa chất BVTV clo hữu cơ(*)	µg/L	USEPA Method 3510C& USEPA Method 8270E		40,5
	Aldrin	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	HCB	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	4,4'-DDD	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	4,4'-DDE	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	4,4'-DDT	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	Dieldrin	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	α-endosulfan	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	β-endosulfan	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	Endosulfan-sulfate	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	Endrin	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	α-HCH	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	β-HCH	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	Lindan (γ-HCH)	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	δ-HCH	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	Heptachlor	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	Heptachlor-epoxide	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	Methoxychlor	µg/L		KPH(LOD=0,5)	

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

SỐ: 24.02055/24.2023/1DX

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,9; Kf=0,9
30	Coliform(1)(2)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2023	$5,4x10^4$	3.000
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α (*)	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH (LOD=0,02)	0,10
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β (*)	Bq/L		3,0	1,0
33	Tổng PCBs(*)	µg/L	USEPA Method 3510C& USEPA Method 8270E		2,43
	+ PCB-18	µg/L		KPH (LOD=0,2)	
	+ PCB-28	µg/L		KPH (LOD=0,2)	
	+ PCB-31	µg/L		KPH (LOD=0,2)	
	+ PCB-44	µg/L		KPH (LOD=0,2)	
	+ PCB-52	µg/L		KPH (LOD=0,2)	
	+ PCB-101	µg/L		KPH (LOD=0,2)	
	+ PCB-118	µg/L		KPH (LOD=0,2)	
	+ PCB-138	µg/L		KPH (LOD=0,2)	
	+ PCB-149	µg/L		KPH (LOD=0,2)	
	+ PCB-153	µg/L		KPH (LOD=0,2)	
	+ PCB-170	µg/L		KPH (LOD=0,2)	
	+ PCB-180	µg/L		KPH (LOD=0,2)	
	+ PCB-194	µg/L		KPH (LOD=0,2)	
	+ PCB-209	µg/L		KPH (LOD=0,2)	

Chú thích:

SMEWW : *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
HDCV : *Hướng dẫn công việc*
USEPA : *United States Environmental Protection Agency*
(1) : *Thông số được chứng nhận Vimcerts*
(2) : *Thông số được công nhận VILAS*
(4) : *Thông số chưa được công nhận VILAS*
KPH : *Không phát hiện*
LOD : *Giới hạn phát hiện*

(*): Do Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 thực hiện theo Phiếu kết quả thử nghiệm số KT3-06956BMT4/1(MT.2024.01662/1) ngày 17/12/2024

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

Số 24.02055 24.2023/2DV	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	20/12/2024 Trang 1/4

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN KCN LONG KHÁNH
KCN Long Khánh, xã Bình Lộc, Tp.Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Đầu ra sau cùng của HTXLNT KCN Long Khánh
3. Tên mẫu : Nước thải
4. Ký hiệu mẫu : NT2
5. Ngày lấy mẫu : 06/12/2024
6. Ngày nhận mẫu : 06/12/2024
7. Thời gian thử nghiệm : 06/12/2024 - 20/12/2024
8. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Kết quả : Xem trang 2-4/4

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phượng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

SĐ 24.02055
24.2023/2DV

20/12/2024

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,9; Kf=0,9
1	Nhiệt độ(1)(2)	^{0}C	SMEWW 2550 B:2023	30,1	40
2	pH(1)(2)		TCVN 6492:2011	7,13	6 - 9
3	Độ màu(1)(2)	Pt - Co	SMEWW 2120 C:2023	<5	50
4	BOD_5 (20°C)(1)(2)	mg/L	SMEWW 5210 B:2023	<3	24
5	COD(1)(2)	mg/L	SMEWW 5220 C:2023	<5	61
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(1)(2)	mg/L	TCVN 6625:2000	<6	40
7	Amoni (tính theo N)(1)(2)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,11	4,050
8	Tổng nitơ(1)(2)	mg/L	TCVN 6638:2000	2,01	16,2
9	Tổng dầu mỡ khoáng(1)(2)	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	<3	5,0
10	Tổng phốt pho(1)(2)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,10	3,24
11	Florua (F^-)(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-F^- B&D:2023	0,34	4,050
12	Clorua (Cl^-)(1)(2)	mg/L	TCVN 6194:1996	29,0	405,0
13	Clo dư (Cl_2)(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	<0,02	0,81
14	Xyanua (CN^-)(1)(2)	mg/L	TCVN 6181:1996	<0,002	0,057
15	Sulfua (S^{2-})(1)(2)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-} B&D:2023	<0,1	0,16
16	Tổng phenol(1)(2)	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,004	0,081
17	Asen (As)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3114 B:2023	<0,001	0,041
18	Thủy ngân (Hg)(1)(2)	mg/L	TCVN 7877:2008	<0,0005	0,0041
19	Chì (Pb)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	0,081
20	Cadimi (Cd)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,001	0,041
21	Crôm VI (Cr^{6+})(1)(2)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,01	0,041
22	Đồng (Cu)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	1,62
23	Kẽm (Zn)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,05	2,43
24	Niken (Ni)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01	0,16
25	Mangan (Mn)(1)(2)	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,05	0,41
26	Sắt (Fe)(1)(2)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,15	0,81
27	Crôm III (Cr^{3+})(1)(4)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023 & SMEWW 3120 B:2023	<0,01	0,16

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

Số 24.02095
24.2023/2DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,9 ; Kf=0,9
28	Hóa chất BVTV phốt pho hữu cơ(*)	µg/L	USEPA Method 3510C& USEPA Method 8270E		243
	Fenthion	µg/L		KPH(LOD=1,0)	
	Diazinon	µg/L		KPH(LOD=1,0)	
	Parathion methyl	µg/L		KPH(LOD=1,0)	
	Chlorpyrifos	µg/L		KPH(LOD=1,0)	
	Chlorpyrifos-methyl	µg/L		KPH(LOD=1,0)	
	Parathion ethyl	µg/L		KPH(LOD=1,0)	
	Fenitrothion	µg/L		KPH(LOD=1,0)	
	Malathion	µg/L		KPH(LOD=1,0)	
29	Hóa chất BVTV clo hữu cơ(*)	µg/L	USEPA Method 3510C& USEPA Method 8270E		40,5
	Aldrin	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	HCB	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	4,4'-DDD	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	4,4'-DDE	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	4,4'-DDT	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	Dieldrin	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	α-endosulfan	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	β-endosulfan	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	Endosulfan-sulfate	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	Endrin	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	α-HCH	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	β-HCH	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	Lindan (γ-HCH)	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	δ-HCH	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	Heptachlor	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	Heptachlor-epoxide	µg/L		KPH(LOD=0,5)	
	Methoxychlor	µg/L		KPH(LOD=0,5)	

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058

Số: 24.02055
24.02055/TDW

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,9; Kf=0,9
30	Coliform(1)(2)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2023	$3,3x10^1$	3.000
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α (*)	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH (LOD=0,02)	0,10
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β (*)	Bq/L		<0,3(**) (LOD=0,1)	1,0
33	Tổng PCBs(*)	µg/L	USEPA Method 3510C& USEPA Method 8270E		2,43
	+ PCB-18	µg/L		KPH(LOD=0,2)	
	+ PCB-28	µg/L		KPH(LOD=0,2)	
	+ PCB-31	µg/L		KPH(LOD=0,2)	
	+ PCB-44	µg/L		KPH(LOD=0,2)	
	+ PCB-52	µg/L		KPH(LOD=0,2)	
	+ PCB-101	µg/L		KPH(LOD=0,2)	
	+ PCB-118	µg/L		KPH(LOD=0,2)	
	+ PCB-138	µg/L		KPH(LOD=0,2)	
	+ PCB-149	µg/L		KPH(LOD=0,2)	
	+ PCB-153	µg/L		KPH(LOD=0,2)	
	+ PCB-170	µg/L		KPH(LOD=0,2)	
	+ PCB-180	µg/L		KPH(LOD=0,2)	
	+ PCB-194	µg/L		KPH(LOD=0,2)	
	+ PCB-209	µg/L		KPH(LOD=0,2)	

Chú thích:

SMEWW : *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
HDCV : *Hướng dẫn công việc*
USEPA : *United States Environmental Protection Agency*
(1) : *Thông số được chứng nhận Vimcerts*
(2) : *Thông số được công nhận VILAS*
(4) : *Thông số chưa được công nhận VILAS*
(**) : *Giới hạn định lượng của phương pháp thử*
KPH : *Không phát hiện*
LOD : *Giới hạn phát hiện*

(*): Do Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 thực hiện theo Phiếu kết quả thử nghiệm số KT3-06956BMT4/2 (MT.2024.01662/2) ngày 17/12/2024

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng